



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 46/2021/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy tắc bảo hiểm Cây lúa theo chỉ số năng suất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC);

Căn cứ theo Công văn số 4612/BTC-QLBH ngày 07/05 của Bộ Tài chính về việc phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm Cây lúa theo chỉ số năng suất;

Theo đề nghị của Phòng Phát triển sản phẩm - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy tắc bảo hiểm Cây lúa theo chỉ số năng suất”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Khối, Trưởng Phòng các phòng thuộc Hội sở MIC, Giám đốc các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD;
- Lưu: VP HĐQT, PTSP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Uông Đông Hưng

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI / MILITARY INSURANCE CORPORATION

Tầng 5, 6 - Số 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội / Floor 5,6 - No. 21, Cat Linh, Dong Da District, Hanoi City

Hotline: 1900 55 88 91 Fax: (024) 6285 3366

Email: info@mic.vn Web: www.mic.vn - www.emic.vn

QUY TẮC BẢO HIỂM CÂY LÚA THEO CHỈ SỐ NĂNG SUẤT

(Được ban hành kèm theo Quyết định số: 46./2021/QĐ-HĐQT ngày 08./06./2021
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội)

ĐIỀU 1. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Quy tắc này được xây dựng nhằm triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành trong từng thời kỳ.

2. Quy tắc này quy định các điều kiện và điều khoản bảo hiểm cây lúa theo chỉ số năng suất.

3. Tên gọi của Quy tắc: Quy tắc bảo hiểm cây lúa theo chỉ số năng suất vùng, viết tắt là "QTBH_CL"

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Đối tượng bảo hiểm: trong phạm vi quy tắc này đối tượng bảo hiểm là cây lúa, được bảo hiểm theo chỉ số năng suất.

2. Người được bảo hiểm: là tổ chức, cá nhân trồng lúa đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ và thuộc danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ.

3. Chủ hợp đồng bảo hiểm: là Người được bảo hiểm hoặc là đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Người được bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm: là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và quy định pháp luật có liên quan, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ.

5. Hợp đồng bảo hiểm: là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp bảo hiểm và chủ hợp đồng bảo hiểm, theo đó chủ hợp đồng bảo hiểm có trách nhiệm đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm thông qua Chủ hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Bộ hợp đồng bảo hiểm bao gồm hợp đồng bảo hiểm ký kết giữa các bên, giấy yêu cầu bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, phụ lục (nếu có), quy tắc bảo hiểm cây lúa và phụ lục (nếu có), các tài liệu liên quan khác.

6. Đơn vị được bảo hiểm: là các xã được Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh thuộc địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp lựa chọn tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Cơ quan cung cấp số liệu về năng suất thực tế: Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (NIAPP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

8. Diện tích lúa được bảo hiểm: là diện tích trồng lúa thực tế của Người được bảo hiểm. Đơn vị tính là héc-ta (ha) theo từng vụ.

9. Năng suất bình quân xã: là năng suất lúa thực tế bình quân của mỗi vụ tương ứng trong 3 năm trước đó tại xã được bảo hiểm theo số liệu có được từ cơ quan cung cấp số liệu về năng suất thực tế. Đơn vị tính là tấn/ha.

10. Ngày tổng kết năng suất thực tế: là ngày mà NIAPP sử dụng để tính toán năng suất thực tế cuối cùng của xã. NIAPP sẽ trích xuất năng suất xã thực tế cuối cùng vào ngày hôm đó và cung cấp cho các doanh nghiệp bảo hiểm để tính toán yêu cầu khiếu nại (được sử dụng tính toán sự thiếu hụt năng suất so với năng suất được bảo hiểm).

11. Đơn giá lúa: là giá trị bằng tiền (Đồng Việt Nam) của một tấn lúa tính cho từng vụ trên địa bàn được bảo hiểm. Đơn giá lúa được xác định theo nguyên tắc lấy giá lúa vụ gần nhất do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh công bố và được ghi trong hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm.

12. Năng suất được bảo hiểm: là năng suất tối thiểu dự kiến sẽ thu hoạch được trong thời gian bảo hiểm, được tính bằng 90% Năng suất bình quân xã trong 3 năm trước có được từ cơ quan cung cấp số liệu và năng suất thực tế, được cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm. Đơn vị tính là tấn/ha

13. Năng suất thực tế xã: là năng suất đạt được của từng vụ, tính chung cho cả xã được cung cấp bởi Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (NIAPP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Đơn vị tính là tấn/ha

14. Mức sụt giảm năng suất: là mức chênh lệch giữa năng suất thực tế xã và năng suất được bảo hiểm trong trường hợp năng suất thực tế xã thấp hơn năng suất được bảo hiểm.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Người được bảo hiểm:

Người được bảo hiểm có các nghĩa vụ sau đây:

a) Kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác mọi thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo mẫu Giấy yêu cầu bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm;

b) Thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

c) Tham gia bảo hiểm tất cả các vụ trồng lúa trong thời hạn bảo hiểm cho toàn bộ diện tích trồng lúa của Người được bảo hiểm;

d) Tuân thủ các quy trình canh tác lúa, bao gồm cả giai đoạn gieo sạ, cấy và thu hoạch theo các quyết định công nhận lưu hành của cơ quan có thẩm quyền;

e) Tuân thủ các khuyến nghị của cơ quan quản lý nông nghiệp về lựa chọn giống lúa gieo sạ, cấy và các biện pháp kỹ thuật đề phòng thiệt hại và bảo vệ mùa màng;

f) Thông báo cho Chủ hợp đồng bảo hiểm ngay khi phát sinh sự kiện bảo hiểm;

g) Phải tiến hành gieo sạ, cấy lại theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn và/hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương;

h) Trong mọi trường hợp, bằng chi phí của mình phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp để đề phòng và hạn chế tổn thất;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người được bảo hiểm có những quyền lợi sau đây:

a) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm;

b) Được nhận thông tin về năng suất thực tế xã từ doanh nghiệp bảo hiểm hoặc chủ hợp đồng bảo hiểm;

c) Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì Người được bảo hiểm/chủ hợp đồng bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Người được bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật;

d) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

j) Được nhận tiền bồi thường theo các điều kiện, điều khoản quy định tại Quy tắc bảo hiểm này;

k) Có quyền khiếu nại đến cơ quan pháp luật có thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ chủ hợp đồng bảo hiểm

Chủ hợp đồng bảo hiểm có các quyền:

a) Thu thập, lưu trữ các thông tin từ Người được bảo hiểm;

b) Thay mặt doanh nghiệp bảo hiểm nhận các khoản phí bảo hiểm do Người được bảo hiểm thanh toán và chuyển trả cho doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm;

c) Được quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp thông tin về năng suất thực tế xã cuối mỗi vụ, được nhận thông tin về năng suất thực tế xã từ doanh nghiệp bảo hiểm;

d) Thay mặt Người được bảo hiểm khiếu nại doanh nghiệp bảo hiểm khi có yêu cầu từ Người được bảo hiểm theo ủy quyền của Người được bảo hiểm;

e) Thay mặt Người được bảo hiểm nhận tiền bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm;

f) Được nhận các khoản thù lao, tiền công theo thỏa thuận của Người được bảo hiểm/doanh nghiệp bảo hiểm (nếu có);

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chủ hợp đồng bảo hiểm có nghĩa vụ:

a) Cung cấp thông tin một cách trung thực, đầy đủ, chính xác trong vòng 15 ngày sau khi nhận được yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

b) Ký hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và chuyển giao giấy chứng

nhận bảo hiểm tới từng Người được bảo hiểm sau khi thu đầy đủ phí bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm thu được cho doanh nghiệp bảo hiểm;

c) Giải thích rõ cho Người được bảo hiểm về phương thức chi trả bồi thường. Phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp bảo hiểm trong việc chi trả bồi thường cho Người được bảo hiểm. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chi trả bồi thường đầy đủ và chính xác cho từng Người được bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được số tiền bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm;

d) Ngay sau khi nhận được thông báo của Người được bảo hiểm về các sự cố thiên tai, dịch bệnh phải thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm và các cơ quan chức năng có thẩm quyền chậm nhất trong vòng 24 giờ;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm có các quyền:

a) Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

b) Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;

c) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 50 của Luật kinh doanh bảo hiểm;

d) Từ chối trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng thụ hưởng trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

e) Yêu cầu Người được bảo hiểm/chủ hợp đồng bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo các quy định khác của pháp luật có liên quan;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được năng suất lúa thực tế do Cơ quan cung cấp số liệu (NIAPP) công bố, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm công bố năng suất lúa của mỗi vụ tới chủ hợp đồng bảo hiểm để công khai năng suất lúa thực tế. Trường hợp có sụt giảm năng suất lúa so với năng suất được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải công bố kế hoạch trả tiền bồi thường tới chủ hợp đồng bảo hiểm và các yêu cầu về hồ sơ yêu cầu bồi thường (nếu có);

b) Khi nhận được thông báo xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan xác định mức độ tổn thất, mức sụt giảm năng suất và đề ra các biện pháp hạn chế tổn thất;

c) Trả tiền bồi thường kịp thời cho Người được bảo hiểm thông qua chủ hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo Quy tắc này;

d) Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm;

e) Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm ngay sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

f) Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm hoặc từ chối bồi thường;

g) Phối hợp với bên mua bảo hiểm để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. HỒ SƠ YÊU CẦU BẢO HIỂM

Người được bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm có trách nhiệm gửi cho doanh nghiệp bảo hiểm các giấy tờ sau:

a) Giấy yêu cầu bảo hiểm;

b) Tài liệu xác minh hợp pháp về quyền sở hữu hoặc sử dụng đất nông nghiệp để trồng lúa trong vùng quy hoạch trồng lúa.

ĐIỀU 5. PHẠM VI BẢO HIỂM

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm mức sụt giảm năng suất lúa do các rủi ro thiên tai và dịch bệnh dưới đây gây ra trong thời hạn bảo hiểm, trừ các trường hợp quy định tại Điều 6 – Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm này.

Rủi ro thiên tai: bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần.

Rủi ro dịch bệnh: bao gồm bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen, đạo ôn, bạc lá, dịch rầy nâu, sâu đục thân.

Thiên tai và dịch bệnh/dịch hại phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc xác nhận.

Phạm vi bảo hiểm theo Quy tắc này được mở rộng để bồi hoàn chi phí gieo sạ, cấy lại trong trường hợp trên 5 ha lúa thực tế trong xã bị thiệt hại trong thời gian gieo sạ, cấy do các rủi ro được bảo hiểm theo Quy tắc này gây ra.

Người được bảo hiểm phải thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương và doanh nghiệp bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm cho rằng việc gieo sạ, cấy lại là cần thiết. Khi được thông báo, giám định viên của doanh nghiệp bảo hiểm phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương xác minh sự cần thiết của việc gieo sạ, cấy lại.

Dựa trên việc xác minh diện tích bị thiệt hại của giám định viên tại địa phương nơi cần phải gieo sạ, cấy lại, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm một lần với số tiền bằng 5% (năm phần trăm) số tiền bảo hiểm (số tiền bảo hiểm của vụ tương ứng) của diện tích gieo sạ, cấy lại.

Thời hạn áp dụng điều kiện gieo sạ, cấy lại là 30 ngày kể từ ngày kết thúc gieo sạ,

cây. Sẽ không áp dụng phạm vi bảo hiểm bổ sung này nếu tổn thất xảy ra sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc gieo sạ, cấy. Việc gieo sạ, cấy lại phải theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương hoặc xác nhận của cơ quan giám định. Ngày cấy ghép phải phù hợp với ngày gieo sạ, cấy đã thực hiện trong khu vực được bảo hiểm cụ thể đó.

Sau khi gieo sạ, cấy lại, hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực đối với diện tích được gieo sạ, cấy lại tuy nhiên, số tiền bảo hiểm sẽ giảm 5% nếu đã bồi thường chi phí gieo sạ, cấy lại.

Diện tích được gieo sạ, cấy lại sẽ được xác nhận bởi công ty, tổ chức giám định hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương 15 ngày sau khi thực hiện việc gieo sạ, cấy lại.

Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện việc gieo sạ, cấy lại, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt khi doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường 5% số tiền bảo hiểm (số tiền bảo hiểm của vụ tương ứng).

ĐIỀU 6. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Doanh nghiệp bảo hiểm không bồi thường bảo hiểm cho các thiệt hại, hư hại hay giảm năng suất lúa gây ra bởi các rủi ro sau đây:

1. Tất cả các rủi ro không thuộc rủi ro thiên tai và dịch bệnh theo quy định tại Điều 5 của Quy tắc bảo hiểm này;
2. Các rủi ro chiến tranh, nổi loạn, hạt nhân, phóng xạ và khủng bố;
3. Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại;
4. Thiệt hại hay hư hại xảy ra do bảo quản sau thu hoạch như lúa bị nảy mầm, cháy, ngập nước, mất cấp, bần;
5. Các rủi ro về chất lượng lúa như rủi ro liên quan đến hàm lượng dinh dưỡng, mốc, mất hương vị;
6. Ô nhiễm nhiễm bẩn được định nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hoặc phóng thích, giải tỏa của các chất hay hóa chất nguy hiểm trong hoặc ra môi trường (đất, nước, không khí) mà có thể gây nguy hiểm hoặc đe dọa gây nguy hiểm đối với sức khỏe hoặc an toàn của người hoặc động vật, thực vật.
7. Sự phun trào của núi lửa;
8. Thiên thạch tấn công;
9. Điều khoản về giới hạn và loại trừ về cấm vận

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cung cấp bảo vệ và không có trách nhiệm thanh toán bồi thường hoặc cung cấp quyền lợi nào nếu bảo vệ hay bồi thường hay quyền lợi đó làm cho doanh nghiệp bảo hiểm phải đối mặt với các lệnh trừng phạt, lệnh cấm hay các quy định của các Nghị quyết của Liên hiệp quốc hoặc lệnh trừng phạt thương mại hay kinh tế, luật hay quy định của Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh hoặc Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

ĐIỀU 7. THỜI HẠN BẢO HIỂM

Hợp đồng bảo hiểm được ký cho thời hạn một năm, được ghi cụ thể trên hợp đồng

bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm và có hiệu lực đối với tất cả các vụ lúa được gieo cấy trong thời hạn bảo hiểm. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu kể từ khi cây lúa được cấy hay gieo sạ và chấm dứt ngay sau ngày thu hoạch. Trường hợp hết thời hạn bảo hiểm ghi trên đơn bảo hiểm mà vụ lúa chưa đến ngày thu hoạch, đơn bảo hiểm sẽ tự động gia hạn đến ngày thu hoạch của vụ lúa đó.

Hợp đồng bảo hiểm có thể được tái tục theo thỏa thuận giữa các bên gồm doanh nghiệp bảo hiểm, chủ hợp đồng bảo hiểm và người được bảo hiểm.

ĐIỀU 8. SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Số tiền bảo hiểm: Là giá trị bằng tiền được tính theo diện tích lúa được bảo hiểm theo từng vụ. Số tiền bảo hiểm được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền bảo hiểm} \equiv \text{Diện tích lúa được bảo hiểm} \times \text{Năng suất được bảo hiểm} \times \text{Đơn giá lúa}$$

ĐIỀU 9. PHÍ BẢO HIỂM

Phí bảo hiểm: là khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được từ Người được bảo hiểm, chủ hợp đồng bảo hiểm và/hoặc nhận được từ ngân sách nhà nước hỗ trợ. Phí bảo hiểm là tổng phí bảo hiểm của tất cả các vụ trong thời hạn bảo hiểm.

Phí bảo hiểm cho từng Người được bảo hiểm được tính theo công thức sau đây:

$$\text{Phí bảo hiểm} = \text{Số tiền bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm}$$

Tỷ lệ phí bảo hiểm được quy định tại Biểu phí bảo hiểm cây lúa theo chỉ số năng suất được ban hành kèm theo Quy tắc này.

Tổng phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm là tổng số phí bảo hiểm của các vụ lúa trong năm của toàn bộ diện tích tham gia bảo hiểm.

Chủ hợp đồng bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán cho doanh nghiệp bảo hiểm toàn bộ phần phí bảo hiểm không được ngân sách Nhà nước hỗ trợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

ĐIỀU 10. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH BỒI THƯỜNG

Doanh nghiệp bảo hiểm, chủ hợp đồng bảo hiểm và Người được bảo hiểm hiểu và đồng ý rằng:

a) Sụt giảm năng suất lúa

Giá trị tổn thất do sụt giảm năng suất đối với mỗi Người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở số liệu Năng suất thực tế xã do cơ quan cung cấp số liệu (NIAPP) công bố. Giá trị tổn thất được bồi thường được tính bằng công thức sau:

$$\text{Giá trị tổn thất} \equiv \left(\text{Năng suất} - \text{Năng suất} \right) \times \text{Diện tích} \times \text{Đơn giá}$$

thất được bồi thường	được bảo hiểm	thực tế được xã công bố	tích (*)	giá(*)
-------------------------	------------------	----------------------------	-------------	--------

(*) Diện tích được bảo hiểm và Đơn giá ghi trên đơn/hợp đồng bảo hiểm

b) Trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường;

c) Giảm trừ số tiền bồi thường: doanh nghiệp bảo hiểm có quyền giảm trừ tối đa 20% số tiền bồi thường trong trường hợp tổn thất xảy ra do nguyên nhân trực tiếp từ việc Người được bảo hiểm không thực hiện quy trình trồng lúa, phòng dịch theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Trong trường hợp từ chối bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ ràng bằng văn bản;

e) Thời hạn yêu cầu bồi thường.

Thời hạn yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là 01 (một) năm kể từ ngày tổng kết năng suất thực tế.

ĐIỀU 11. CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG

1. Hồ sơ bồi thường bao gồm:

a) Do Người được bảo hiểm/Chủ hợp đồng bảo hiểm cung cấp:

- Giấy yêu cầu bồi thường (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm kèm phụ lục của hợp đồng bảo hiểm (bản photocopy);
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

b) Do doanh nghiệp bảo hiểm thu thập:

- Văn bản công bố thiên tai, dịch bệnh hoặc xác nhận thiên tai, dịch bệnh cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Văn bản công bố của cơ quan cung cấp số liệu về năng suất thực tế (NIAPP);
- Các giấy tờ khác có liên quan đến việc giải quyết bồi thường bảo hiểm theo yêu cầu của Doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phương thức chi trả bồi thường

Sau khi xác định số tiền phải bồi thường theo quy định trên, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chi bồi thường trực tiếp tới chủ hợp đồng bảo hiểm. Chủ hợp đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thanh toán số tiền bồi thường tới từng Người được bảo hiểm theo diện tích trồng lúa được bảo hiểm.

ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Trường hợp Người được bảo hiểm muốn chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, Người được bảo hiểm có văn bản gửi tới Doanh nghiệp bảo hiểm trước 30 ngày. Khi

✓

hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng bảo hiểm bằng văn bản, Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hoàn lại số tiền bằng 80% phần phí bảo hiểm của thời gian còn lại với điều kiện chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm.

ĐIỀU 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên tham gia bảo hiểm, sẽ được giải quyết theo phán quyết của tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 3 (ba) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

5

✓